

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Kha
Ông Nguyễn Hồng Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023 và ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐ-ST ngày 06/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2023 và quyết định tạm ngừng số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/04/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh ngày 12/2/1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm R, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- **Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản giấy tờ của anh T:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Xóm Q, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh ngày 28/5/1995 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động ở nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cư trú cuối cùng ở Việt Nam của chị T: Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Trọng K, sinh năm 1969 (vắng mặt)

- Bà Vũ Thị T, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Đều cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh và chị T được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 24/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Sau khi kết hôn anh tiếp tục đi lao động tại Đài Loan, chị T sinh con xong một thời gian cũng sang Đài Loan lao động, vợ chồng đoàn tụ sinh sống hòa thuận. Tuy nhiên, kể từ sau khi chị T về nước sinh cháu thứ hai thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên không còn liên lạc với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Sau khi sinh cháu thứ hai một thời gian chị T tiếp tục sang Đài Loan lao động nhưng vợ chồng không gặp nhau, không chung sống cùng nhau nữa, ai có cuộc sống riêng của người đó. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện hàn gắn tình cảm nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Anh xác định kể từ tháng 8/2021 đến nay anh và chị T không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Hoàng Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Trần Thị Bảo N, sinh ngày 05/12/2017 và cháu Trần Thị Bảo Nh, sinh ngày 12/6/2021, hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị T và ông K, bà T (ông bà ngoại). Do anh về phép thăm gia đình và sẽ quay trở lại Đài Loan lao động nên anh đề nghị giao con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông K, bà T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Hoàng Thị T là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Trọng K, bà Vũ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T, chị T được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do quen biết và tìm hiểu tại Đài Loan nên sau khi kết hôn anh tiếp tục sang Đài Loan lao động, sau khi chị T sinh con một thời gian cũng sang Đài Loan lao động. Anh, chị chung sống hòa thuận và có cháu thứ hai. Tuy nhiên, sau khi chị T về sinh con thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay chị T cũng sang Đài Loan lao động. Ông, bà có khuyên bảo anh, chị về ở với nhau để chăm sóc con nhưng không được.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Trần Thị Bảo N, sinh ngày 05/12/2017 và cháu Trần Thị Bảo Nh, sinh ngày 12/6/2021. Cháu N, Nh hiện đang sinh sống cùng ông, bà và chị T. Hiện này ông, bà vẫn đang thay chị T chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu. Chị T đi lao động nước ngoài nhưng chị T thường xuyên quan tâm, gọi điện hỏi thăm con hàng ngày. Hàng tháng chị T vẫn gửi tiền về để ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Ông, bà xác định việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, cháu Nh vừa là quyền, nghĩa vụ của ông, bà đối với con cháu nên ông, bà không yêu cầu anh T, chị T phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông, bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, cháu Nh thay chị T trong thời gian chị T đi lao động tại nước ngoài.

Ngoài ra ông, bà còn trình bày: Trước khi đi lao động tại Đài Loan chị T sinh sống cùng ông, bà tại Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi sang Đài Loan chị T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông, bà đã thông báo cho chị T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung giữa anh T và chị T, chị T cho biết: chị đồng ý ly hôn anh T và đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung nhưng chị T không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, nơi ở và ý kiến bằng văn bản cho Tòa án được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Trần Văn T, ông Hoàng Trọng K, bà Vũ Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Hoàng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Trần Văn T; biên bản lấy lời khai của ông Hoàng Trọng K, bà Vũ Thị T là bố, mẹ đẻ chị Hoàng Thị T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T.

Xử cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị T.

Về con chung: Do anh T, chị T hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Thị Bảo N, sinh ngày 05/12/2017 và cháu Trần Thị Bảo Nh, sinh ngày 12/6/2021 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông Hoàng Trọng K, bà Vũ Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị T ở nước ngoài cho đến khi chị Hoàng Thị T về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T khởi kiện xin ly hôn chị T và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, anh T là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung đối với chị Hoàng Thị T, anh T cung cấp hiện nay chị T đang lao động nước ngoài không có địa chỉ cụ thể, địa chỉ của chị T cuối cùng ở Việt Nam là Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tại Công văn số 6860/QLXNC-P5 ngày 30/3/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, chị Hoàng Thị T, sinh ngày 28/5/1995 đã xuất nhập cảnh 07 lần, xuất cảnh gần đây nhất ngày 04/3/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, chị T được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, chị T là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Trần Văn T, ông Hoàng Trọng K, bà Vũ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, ông K, bà T.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, ông K, bà T là bố, mẹ đẻ chị Hoàng Thị T, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của chị T trước khi xuất cảnh lần gần nhất là Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho chị T thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho chị T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là anh Trần Văn T và bị đơn là chị Hoàng Thị T. Ông K, bà T cho biết

chị T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị T không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị T tại Đài Loan. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Ngoài ra, ngày 10/4/2023, Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập lại ngày tháng sinh của anh T, thì tại bản tự khai ngày 13/4/2023 anh T trình bày: tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị anh có ghi ngày sinh của anh là 12/6/1996 nay anh đính chính lại ngày tháng năm sinh của anh là 12/02/1996 và kèm theo bản tự khai là giấy khai sinh bản sao (lập ngày 10/4/2023). Như vậy, anh Trần Văn T sinh ngày 12/6/1996 và Trần Văn T sinh ngày 12/02/1996 là một người.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Hoàng Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Hoàng Thị T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh T, chị T chung sống hòa thuận và cùng sang Đài Loan lao động. Sau khi sang Đài Loan vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận nhưng từ khi chị T về nước sinh cháu thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện thoại khuyên bảo anh, chị nhưng cũng không được. Anh T xác định từ tháng 8/2021 đến nay anh, chị không còn liên lạc hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Như vậy, vợ chồng anh T, chị T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị T, cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Xử cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị T.

[6]. Về nuôi con chung: Anh T, chị T có 02 con chung là Trần Thị Bảo N, sinh ngày 05/12/2017 và cháu Trần Thị Bảo Nh, sinh ngày 12/6/2021. Hiện nay hai con chung đang sinh sống cùng ông K, bà T. Sau khi ly hôn anh T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng tạm giao cho ông K, bà T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước sinh sống.

Xét yêu cầu đề nghị giao con chung là cháu N và cháu Nh cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng của anh T, Hội đồng xét xử thấy: Hai con chung của anh T, chị T là cháu N và cháu Nh sinh sống cùng ông K, bà T (bố mẹ đẻ của chị T), từ khi chị T đi lao động nước ngoài chị T thường xuyên gửi tiền về cho ông K, bà T nuôi dưỡng chăm sóc các cháu, cháu N và cháu Nh phát triển bình thường về thể chất và

tin thần, để tránh xáo trộn chỗ ở cũng nhưng ổn định tâm lý của hai con chung. Hội đồng xét xử thấy đề nghị của anh T là có căn cứ. Ngoài ra, Anh T đang sinh sống tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Mặt khác, ông K, bà T cũng đồng ý chăm sóc nuôi dưỡng các con chung của anh T, chị T trong thời gian chị T đi lao động nước ngoài vì đây là trách nhiệm nghĩa vụ của ông, bà đối với con, cháu theo quy định tại Điều 104 Luật hôn nhân và gia đình. Nên căn cứ Điều 81, 104 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh T. Giao cháu N và cháu Nh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, nhưng tạm giao cháu N và cháu Nh cho ông K, bà T trông nom, nuôi dưỡng trong thời gian chị T lao động nước ngoài là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung.

Sau khi ly hôn anh Trần Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp anh Trần Văn T có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về tài sản, công nợ chung: Do anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9]. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Anh Trần Văn T, ông Hoàng Trọng K, bà Vũ Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8.2] Chị Hoàng Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Trần Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thị Bảo N, sinh ngày 05/12/2017 và cháu Trần Thị Bảo Nh, sinh ngày 12/6/2021 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cháu N và cháu Nh cho ông Hoàng Trọng K, bà Vũ Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị Hoàng Thị T về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn, chị anh Trần Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000876 ngày 03/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Trần Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Trần Văn T, ông Hoàng Trọng K, bà Vũ Thị T, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

